



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 09 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1574

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 15/09/2026 đến ngày 21/09/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

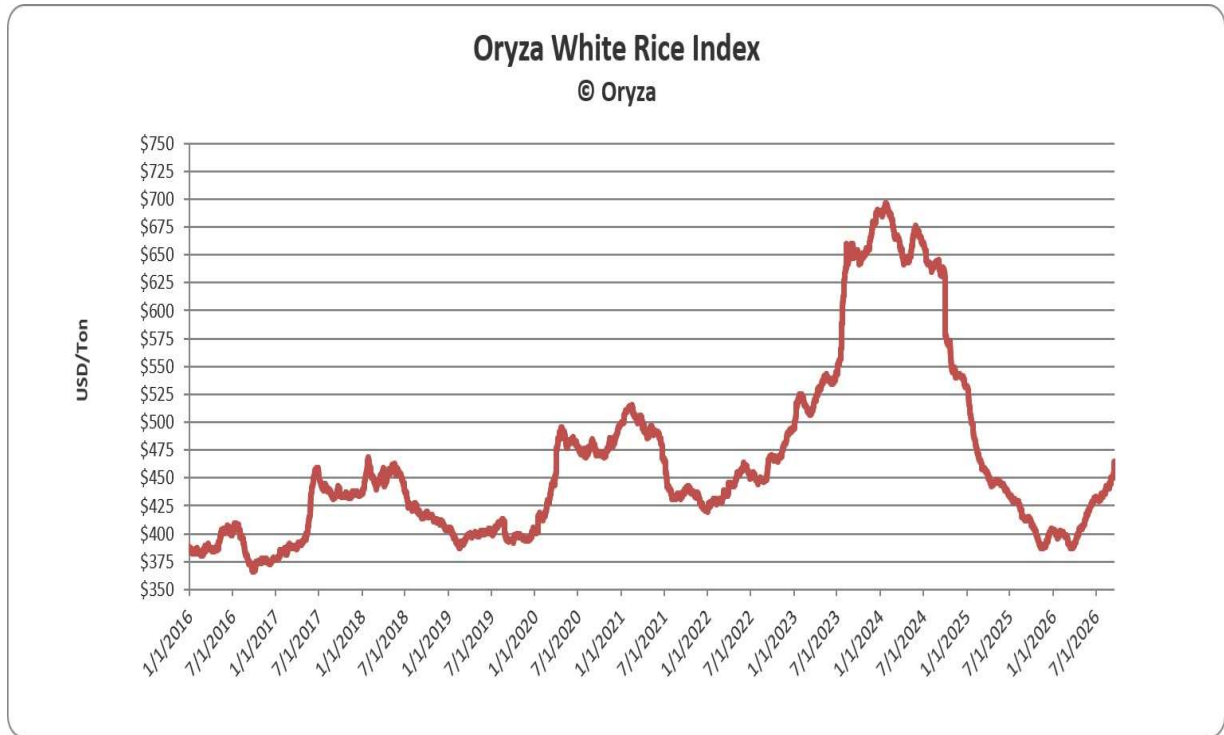
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	15 – 09		16 – 09		17 – 09		18 – 09	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	487	491	486	490	486	490	485	489
	5% tấm	477	481	476	480	476	480	475	479
	25% tấm	435	439	434	438	433	437	432	436
	Hom Mali 92%	1121	1125	1120	1124	1122	1126	1126	1130
	Gạo đỏ 100% Stxd	486	490	483	487	485	489	486	490
	A1 Super	373	377	372	376	381	385	381	385
VIỆT NAM	5% tấm	423	427	423	427	422	426	422	426
	25% tấm	405	409	405	409	403	407	403	407
	Gạo thơm 5% tấm	440	445	440	445	440	440	440	440
	Jasmine	526	530	524	528	521	525	521	525
	100% tấm	368	372	368	372	368	372	368	372
ẤN ĐỘ	5% tấm	375	379	378	382	380	384	380	384
	25% tấm	363	367	364	368	368	372	368	372
	Gạo đỏ 5% Stxd	377	381	377	381	378	382	378	382
	100% tấm Stxd	307	311	307	311	307	311	307	311
PAKISTAN	5% tấm	419	423	419	423	430	434	428	432
	25% tấm	390	394	390	394	397	401	397	401
	100% tấm Stxd	321	325	321	325	327	331	324	328
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	472	476	472	476	463	467	463	467
MỸ	4% tấm	585	589	585	589	630	634	630	634
	15% tấm (Sacked)	573	577	573	577	628	632	628	632
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	896	900	896	900	888	892	888	892

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



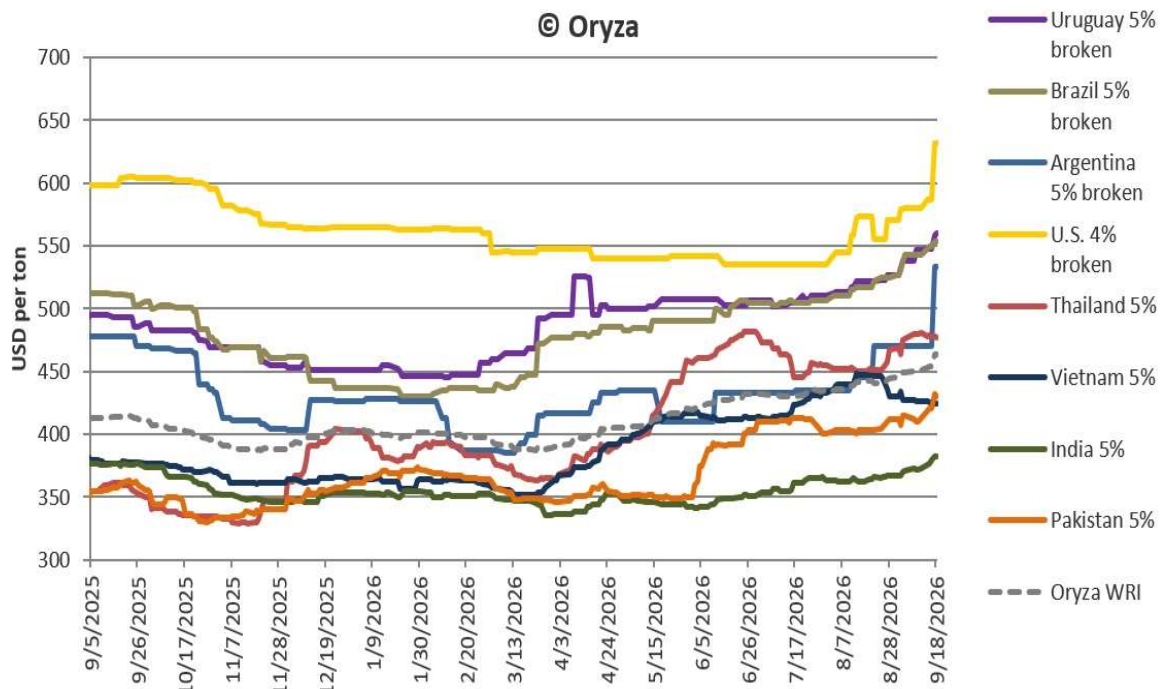
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 463 USD/tấn, tăng 12 USD/tấn so với tuần trước và tăng 21 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 59 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

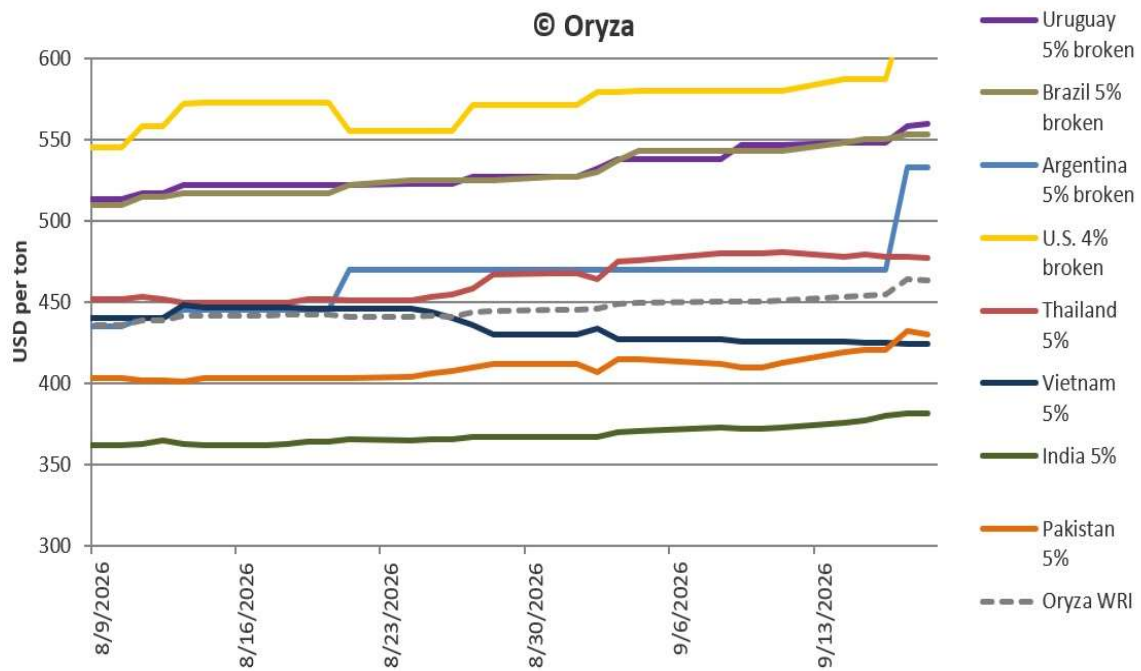
© Oryza

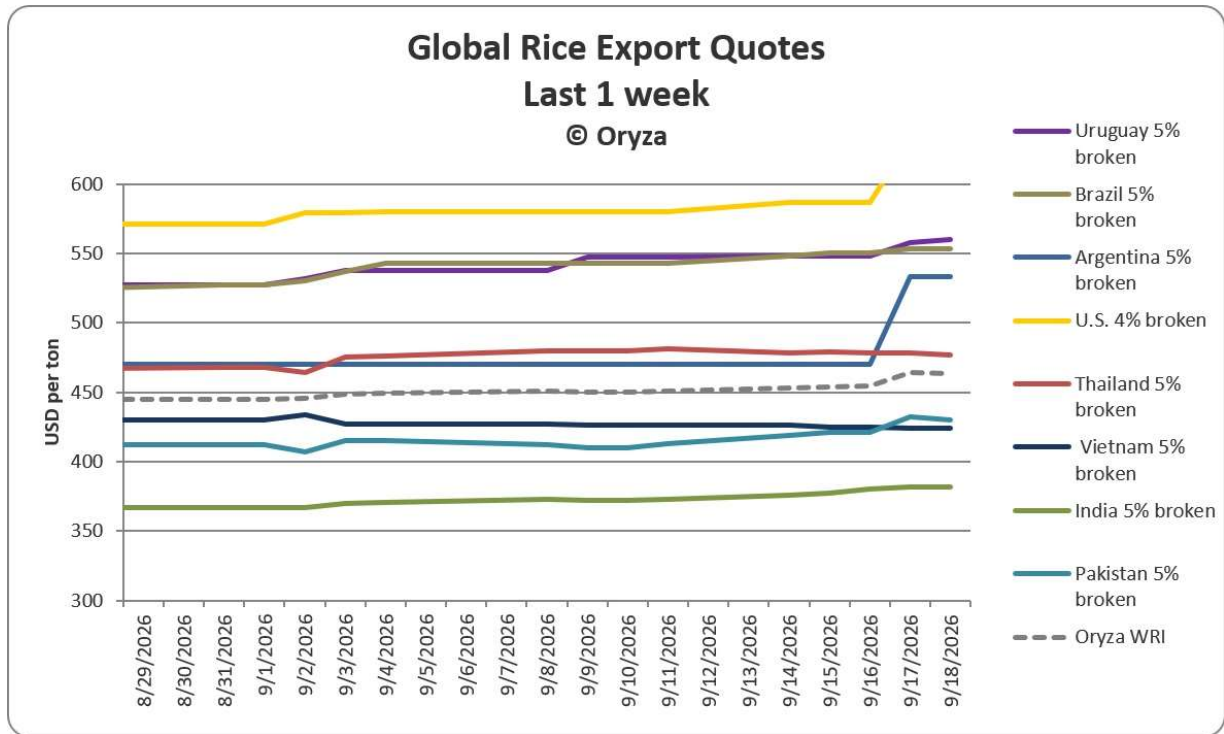


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





*** Báo cáo Thị trường và Thương mại Ngũ cốc Thế giới tháng 9/2026 của USDA**

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 đạt 533,9 triệu tấn, giảm so với 545,9 triệu tấn trong niên vụ 2025/26, chủ yếu do điều chỉnh giảm dự báo sản lượng của Ấn Độ và Bangladesh.

Tiêu thụ gạo toàn cầu được dự báo đạt 536,8 triệu tấn, với nhu cầu mạnh tại châu Á. Trong đó, Trung Quốc tiêu thụ 147,3 triệu tấn và Ấn Độ 125,0 triệu tấn.

Thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt 62,7 triệu tấn, trong đó Ấn Độ tiếp tục là nước xuất khẩu lớn nhất với 25,0 triệu tấn, tiếp theo là Việt Nam 8,1 triệu tấn, Thái Lan 7,5 triệu tấn và Pakistan 5,0 triệu tấn.

Philippines được dự báo tiếp tục là nước nhập khẩu lớn nhất với 5,6 triệu tấn, tiếp theo là Trung Quốc với 4,0 triệu tấn.

Giá gạo đã tăng tại hầu hết các nguồn cung lớn, với gạo Thái Lan ở mức 490 USD/tấn, gạo Pakistan 413 USD/tấn, gạo Ấn Độ 374 USD/tấn và gạo Mỹ 588 USD/tấn, trong khi giá gạo Việt Nam giảm xuống 423 USD/tấn do nhu cầu suy yếu.

Gạo tám ngày càng trở thành một yếu tố quan trọng thúc đẩy thương mại. Trung Quốc đã nhập khẩu gần 1,4 triệu tấn trong giai đoạn tháng 1–7/2026, chủ yếu để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, trong đó Ấn Độ đã vượt qua Miến Điện để trở thành nhà cung cấp hàng đầu.

Việc Philippines tạm dừng thông quan gạo tằm 5% được dự báo sẽ chuyển nhu cầu sang các loại gạo có tỷ lệ tằm cao hơn, trong khi nhập khẩu gạo tằm của Senegal giảm 35% trong nửa đầu năm 2026.

Nhìn chung, triển vọng của USDA cho thấy cán cân cung cầu gạo toàn cầu sẽ thắt chặt hơn, nhu cầu tại châu Á vẫn mạnh và các dòng chảy thương mại đang thay đổi, ngày càng được thúc đẩy bởi nhu cầu đối với gạo tằm.

*** Triển vọng thị trường gạo Mỹ niên vụ 2026/27**

Báo cáo Triển vọng thị trường gạo tháng 9/2026 của USDA dự báo thị trường gạo Mỹ sẽ thắt chặt hơn trong niên vụ 2026/27.

Sản lượng tất cả các loại gạo được dự báo đạt 158,2 triệu cwt, giảm khoảng 23% so với niên vụ 2025/26, trong khi diện tích thu hoạch giảm xuống 2,057 triệu acre, mức thấp nhất kể từ niên vụ 1972/73.

Sản lượng gạo hạt dài cũng được dự báo giảm mạnh.

Mặc dù lượng tồn kho đầu kỳ ở mức cao, đạt 58,4 triệu cwt, tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm xuống 40,4 triệu cwt.

Do sản lượng trong nước giảm, nhập khẩu gạo của Mỹ được dự báo đạt mức kỷ lục 49,8 triệu cwt, trong khi xuất khẩu được dự báo đạt 78 triệu cwt, giảm 3% so với năm trước.

Giá gạo bình quân tại trang trại trong cả niên vụ được dự báo ở mức 14,90 USD/cwt, cao hơn khoảng 20% so với niên vụ 2025/26.

*** Cung cầu gạo toàn cầu niên vụ 2026/27**

Thị trường gạo toàn cầu được dự báo vẫn tương đối dồi dào về nguồn cung trong niên vụ 2026/27, mặc dù sản lượng giảm.

USDA dự báo sản lượng gạo xay xát toàn cầu đạt 533,9 triệu tấn, giảm 3,4 triệu tấn so với dự báo trước, trong khi tồn kho cuối kỳ toàn cầu được dự báo đạt 197 triệu tấn.

Lượng tồn kho lớn, đặc biệt là tại Ấn Độ, đang tạo ra một vùng đệm đáng kể trước nguy cơ nguồn cung bị thắt chặt.

Ấn Độ tiếp tục là yếu tố then chốt trong triển vọng thị trường gạo toàn cầu. USDA đã nâng dự báo tồn kho cuối kỳ của Ấn Độ trong niên vụ 2025/26 lên mức kỷ lục 58,5 triệu tấn, và dự kiến Ấn Độ sẽ chiếm khoảng 28% tổng tồn kho gạo toàn cầu trong niên vụ 2026/27.

Tuy nhiên, dự báo sản lượng gạo của Ấn Độ trong niên vụ 2026/27 được điều chỉnh giảm xuống 147 triệu tấn do diện tích thu hoạch và năng suất đều yếu hơn dự kiến.

Tiêu thụ gạo toàn cầu cũng được dự báo giảm xuống 539,6 triệu tấn, trong khi xuất khẩu gạo toàn cầu được dự báo đạt 62,7 triệu tấn.

Indonesia

Theo bne IntelliNews, Cơ quan Hậu cần Nhà nước Indonesia (Bulog) đã hợp tác với PT Padi Indonesia Maju, một công ty con của Tập đoàn Wilmar, nhằm mở rộng sản xuất, chế biến và phân phối gạo cao cấp cho các kênh bán lẻ hiện đại.

Sự hợp tác này sẽ kết hợp mạng lưới thu mua lúa trên toàn quốc của Bulog với các cơ sở chế biến gạo của Wilmar tại Palembang, Serang, Ngawi và Mojokerto, nhằm bảo đảm chất lượng ổn định và nguồn cung đáng tin cậy đối với gạo cao cấp đóng gói cho các siêu thị và đại siêu thị.

Thỏa thuận này phản ánh sự chuyển hướng rộng hơn của Bulog, vượt ra ngoài vai trò truyền thống là quản lý dự trữ gạo của Chính phủ và ổn định giá. Bằng cách đưa lượng lúa thu mua đến các cơ sở chế biến thuộc khu vực tư nhân, Bulog hướng tới nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, đa dạng hóa nguồn thu và tăng cường sự hiện diện trong thị trường gạo đóng gói cao cấp đang phát triển của Indonesia.

Sự hợp tác này cũng có thể giúp ổn định nguồn cung gạo tại các thị trường bán lẻ đô thị bằng cách kết nối hoạt động thu mua của Chính phủ với năng lực xay xát tư nhân, qua đó có khả năng giảm tác động của tình trạng thiếu hụt nguồn cung và giá tăng đột biến.

Philippines

Theo một nghiên cứu gần đây của USDA được bne IntelliNews dẫn lại, Philippines được dự báo sẽ nhập khẩu tỷ trọng gạo tằm cao hơn khi nguồn cung gạo chất lượng thấp bị thắt chặt trong bối cảnh nhu cầu mạnh từ Trung Quốc và các nhà mua lớn khác.

Các thương nhân Philippines đang điều chỉnh quy cách hàng hóa sau khi Manila cấm nhập khẩu gạo tằm 5% trong vụ thu hoạch nội địa trong nước nhằm bảo vệ nông dân địa phương.

USDA dự báo Philippines sẽ nhập khẩu 5,5 triệu tấn gạo trong năm 2026, trong đó các nhà nhập khẩu mở rộng nguồn cung ngoài Việt Nam sang Campuchia, Thái Lan và Pakistan, bao gồm cả các loại gạo chất lượng thấp hơn.

Trong khi đó, Trung Quốc được dự báo sẽ nhập khẩu 4,1 triệu tấn gạo tằm trong năm 2026, sau khi đã mua gần 1,4 triệu tấn trong 7 tháng đầu năm, do các nhà sản xuất chăn nuôi ngày càng sử dụng gạo tằm như một nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có giá rẻ hơn.

Nhu cầu gia tăng từ Trung Quốc và Philippines đang làm thắt chặt nguồn cung gạo tằm trên toàn cầu và đẩy giá tăng, gây áp lực lên các nước nhập khẩu

nhạy cảm về giá khác, đặc biệt là tại Tây Phi, nơi gạo tấm được coi là một loại lương thực và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có chi phí thấp.

*** Philippines – Ngân hàng gen giống lúa**

Viện Nghiên cứu Lúa gạo Philippines (PhilRice) có kế hoạch mở rộng ngân hàng gen lúa quốc gia lên 21.000 giống lúa khác nhau vào cuối năm 2026, so với bộ sưu tập hiện tại gồm 20.743 giống được thu thập từ Luzon, Visayas và Mindanao, theo bne IntelliNews.

Bộ sưu tập này bảo tồn các giống lúa truyền thống và bản địa, có thể trở thành nguồn gen có giá trị trong tương lai khi biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và dịch hại ngày càng tạo ra những rủi ro đối với sản xuất lúa và an ninh lương thực.

Các nhà nghiên cứu sử dụng nguồn vật liệu di truyền được lưu trữ để lai tạo các giống cải tiến có khả năng chống chịu tốt hơn với thời tiết bất lợi và dịch bệnh, đồng thời đáp ứng những yêu cầu thay đổi của thị trường.

Palawan là nguồn cung cấp lớn nhất các mẫu giống lúa độc đáo, trong khi Ifugao và các khu vực khác thuộc vùng Cordillera cũng đóng góp đáng kể.

PhilRice đang tìm kiếm các mẫu giống còn thiếu thông qua hoạt động tiếp tục thu thập ngoài thực địa và tiếp nhận đóng góp của người dân, với mục tiêu đạt 21.000 giống vào tháng 12.

Việc mở rộng này củng cố năng lực nghiên cứu và lai tạo giống lúa dài hạn của Philippines, qua đó có khả năng hỗ trợ phát triển các giống lúa có khả năng thích ứng tốt hơn với khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của sản xuất lúa trong nước theo thời gian.

Nhật Bản

Kyodo News đưa tin giá bán lẻ gạo bình quân tại Nhật Bản đã giảm xuống 2.971 yên (18,95 USD) cho mỗi 5 kg trong tuần từ ngày 7–13/9, lần đầu tiên giảm xuống dưới 3.000 yên trong khoảng hai năm.

Mức giảm này phản ánh nguồn cung gia tăng, gạo vụ 2026 bắt đầu được đưa ra thị trường và các nỗ lực giải phóng lượng tồn kho còn lại của vụ 2025.

Giá bán buôn bình quân của gạo lứt vụ 2025 cũng giảm xuống 31.556 yên (201,25 USD) cho mỗi 60 kg trong tháng 8.

Trong bối cảnh lượng tồn kho cũ vẫn đang được giải phóng và vụ mùa mới bắt đầu được đưa ra thị trường, giá gạo có thể tiếp tục chịu áp lực giảm.

Trung Quốc

Bloomberg đưa tin Trung Quốc và Mỹ đang thảo luận về việc cắt giảm thuế quan đối với khoảng 30 tỷ USD thương mại song phương, bao gồm một

số sản phẩm nông nghiệp và năng lượng của Mỹ, trước chuyến thăm dự kiến của Chủ tịch Trung Quốc tới Washington.

Các cuộc đàm phán có thể giúp kéo dài thỏa thuận đình chiến thương mại kéo dài một năm đạt được vào tháng 10/2025.

Nông nghiệp được dự kiến sẽ là một trọng tâm lớn. Trung Quốc đã mua vượt quá một nửa cam kết mua 25 triệu tấn đậu tương Mỹ mỗi năm, đồng thời cam kết mua ít nhất 17 tỷ USD các sản phẩm nông nghiệp khác của Mỹ mỗi năm.

Mỹ cũng có thể yêu cầu Trung Quốc đạt được tiến triển trong việc giải quyết các rào cản phi thuế quan đối với nông sản.

Tác động đối với thị trường gạo: Gạo không được đề cập cụ thể trong các đề xuất, do đó tác động trực tiếp đối với thị trường gạo toàn cầu có khả năng sẽ hạn chế.

Tuy nhiên, việc cải thiện quan hệ thương mại nông nghiệp Trung Quốc – Mỹ có thể thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Mỹ, làm thay đổi cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu ngũ cốc lớn và tác động đến dòng chảy thương mại ngũ cốc toàn cầu.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm của Uruguay hiện được chào bán khoảng 560 USD/tấn, tăng khoảng 13 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 38 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 77 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, gạo 5% tấm của Argentina hiện được chào bán khoảng 533 USD/tấn, tăng khoảng 63 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 88 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 55 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm của Brazil hiện được chào bán khoảng 533 USD/tấn, tăng khoảng 10 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 36 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 42 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Revista Cultivar, sản lượng gạo của Brazil trong niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 11,1 triệu tấn, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do diện tích gieo trồng giảm 14%.

Gạo tươi tiêu dự kiến đạt 10,4 triệu tấn, trong khi sản lượng gạo nước trồi khoảng 645.000 tấn.

Trái lại, tổng sản lượng ngũ cốc của Brazil được dự báo đạt mức kỷ lục 361,7 triệu tấn, tăng 2,6% so với vụ trước.

Sản lượng đậu tương được dự báo đạt mức kỷ lục 180,4 triệu tấn, trong khi sản lượng ngô dự kiến đạt 144 triệu tấn.

Vụ thu hoạch ngũ cốc kỷ lục của Brazil được cho là trái ngược với sự sụt giảm đáng kể trong sản xuất gạo, chủ yếu do diện tích trồng lúa giảm.

Hoa Kỳ

Gạo tấm 4% của Mỹ hiện được báo giá khoảng 632 USD/tấn, tăng khoảng 52 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 59 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 28 USD/tấn so với một năm trước.

Châu Phi

Senegal, các nhà khoa học tại Senegal đang thử nghiệm mô hình canh tác kết hợp lúa – cá, có thể giúp nâng cao năng suất lúa, tăng thu nhập cho nông dân và kiểm soát bệnh sán máng, một bệnh ký sinh trùng phổ biến tại châu Phi, theo Bloomberg.

Chương trình thí điểm, với sự tham gia của hơn 40 nông dân, đã đưa cá rô phi sông Nile và cá bonytongue châu Phi vào các ruộng lúa.

Cá ăn các loài ốc truyền bệnh sán máng, trong khi chất thải của cá bổ sung chất dinh dưỡng cho ruộng lúa.

Mô hình này làm tăng năng suất lúa khoảng 25% và mang lại lợi ích ròng bình quân ít nhất 380 USD mỗi hộ trồng lúa mỗi năm, bao gồm thu nhập từ việc bán cá.

Phương pháp này đặc biệt phù hợp với khu vực thung lũng sông Senegal phía Bắc Senegal, nơi lúa và cá là những loại thực phẩm quan trọng và bệnh sán máng vẫn phổ biến.

Các nhà nghiên cứu từ Đại học Gaston Berger và AfricaRice hiện đang tiến hành các thử nghiệm có kiểm soát để đánh giá thêm hệ thống này.

Nếu thành công, mô hình có thể được mở rộng sang các khu vực trồng lúa khác ở châu Phi, mang lại một phương pháp dựa vào tự nhiên kết hợp giữa tăng sản lượng lúa, bổ sung dinh dưỡng từ cá, tăng thu nhập cho nông dân và kiểm soát dịch bệnh.

Nigeria đang mở rộng chương trình tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm để đưa gạo vào chương trình, cùng với bột mì, dầu và đường, nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng, đặc biệt ở trẻ em và phụ nữ, theo Business Day.

Gạo tăng cường vi chất sẽ hướng tới giải quyết tình trạng thiếu sắt, axit folic, vitamin B12 và kẽm.

Chính phủ đang thúc đẩy sản xuất gạo tăng cường vi chất trong nước và đã ban hành Quy tắc thực hành, mặc dù việc thực thi vẫn là một thách thức quan trọng dựa trên kinh nghiệm từ các chương trình tăng cường vi chất trước đây.

Sáng kiến này có thể thúc đẩy nhu cầu đối với gạo được chế biến trong nước và nâng cao khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất nội địa nếu các yêu cầu về tăng cường vi chất được thực thi rộng rãi.

Châu Âu

Lượng gạo nhập khẩu và xuất khẩu của EU đều giảm khoảng 2% so với cùng kỳ năm trước trong niên vụ 2025/26 (từ ngày 1/9/2025 đến 31/8/2026), theo số liệu thương mại gạo của EU.

EU nhập khẩu 1,61 triệu tấn gạo quy đổi theo gạo xay xát, giảm so với mức ước tính 1,64 triệu tấn trong niên vụ 2024/25.

Lượng nhập khẩu bao gồm 11.645 tấn lúa, 515.276 tấn gạo lứt và 1,084 triệu tấn gạo xay xát và bán xay xát.

Gạo Indica chiếm 1,359 triệu tấn, trong khi gạo Japonica đạt 251.378 tấn.

Trong số các nhà cung cấp gạo xay xát/bán xay xát, Campuchia đứng đầu với 238.070 tấn (26,4%), tiếp theo là Miến Điện với 186.124 tấn (20,6%), Ấn Độ với 167.478 tấn (18,5%), Thái Lan với 157.014 tấn (17,4%) và Pakistan với 103.874 tấn (11,5%).

Trong khi đó, xuất khẩu gạo của EU giảm xuống 275.822 tấn, so với mức ước tính 281.694 tấn trong niên vụ 2024/25.

Xuất khẩu bao gồm 12.205 tấn lúa, 24.850 tấn gạo lứt và 238.768 tấn gạo xay xát/bán xay xát.

Gạo Japonica chiếm 186.331 tấn, so với 89.491 tấn gạo Indica.

Vương quốc Anh là thị trường lớn nhất đối với gạo xay xát/bán xay xát của EU, với 33.918 tấn (43,2%), tiếp theo là Thụy Sĩ với 16.449 tấn (21,0%), Belarus với 8.297 tấn (10,6%), Na Uy với 5.370 tấn (6,8%) và Serbia với 2.350 tấn (3,0%).

Trung Đông

Iraq, đang đa dạng hóa các tuyến cung ứng gạo trong bối cảnh hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz bị gián đoạn, với 41.700 tấn gạo có nguồn gốc từ Thái Lan được vận chuyển qua Syria, theo bne IntelliNews.

Lô hàng cập cảng Latakia của Syria và đi vào Iraq qua cửa khẩu Rabia.

Sau khi được kiểm tra, số gạo này sẽ được phân phối thông qua chương trình phân phối lương thực theo chế độ định lượng của Chính phủ.

Lô hàng này đưa Syria trở thành một trong các tuyến cung ứng thay thế của Iraq đối với các mặt hàng lương thực thiết yếu.

Iraq cũng đang mua các mặt hàng lương thực phục vụ chương trình phân phối định lượng thông qua Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi gạo được đưa qua cảng Aqaba của Jordan từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có Mỹ.

Thái Lan cho biết vào tháng 8 rằng Iraq chưa nhập khẩu gạo Thái Lan trong năm 2026 sau khi eo biển Hormuz bị đóng cửa, so với khoảng 950.000 tấn nhập khẩu trong năm 2025.

Bộ Thương mại Iraq cho biết nước này có đủ lượng gạo và các mặt hàng lương thực dự trữ khác và không phải đối mặt với khủng hoảng nguồn cung.

Tuy nhiên, việc sử dụng nhiều tuyến vận chuyển khác nhau cho thấy những nỗ lực của Baghdad nhằm giảm sự phụ thuộc vào hành lang Hormuz và bảo đảm nguồn cung gạo không bị gián đoạn.

Nga

Lượng gạo xuất khẩu của Nga được vận chuyển bằng Đường sắt Nga (RZD) đã tăng mạnh trong tháng 8 sau khi các hạn chế đối với xuất khẩu lúa được dỡ bỏ vào giữa tháng 7, theo Interfax.

Lượng gạo xuất khẩu vận chuyển bằng đường sắt đạt 965 tấn trong tháng 8, gần gấp 2,8 lần mức 342 tấn trong tháng 7, trong đó các vùng Krasnodar, Altai và Primorye chiếm phần lớn lượng hàng vận chuyển.

Mức tăng này diễn ra sau khi Nga dỡ bỏ hạn ngạch xuất khẩu lúa hạn chế vốn được dự kiến duy trì đến tháng 12/2026.

Trong khi đó, lượng gạo nhập khẩu bằng đường sắt tăng nhẹ lên 2.500 tấn trong tháng 8, so với 2.300 tấn trong tháng 7.

Tổng lượng gạo vận chuyển qua RZD tăng lên 4.130 tấn, trong khi lượng vận chuyển nội địa giảm xuống 335 tấn, so với 822 tấn trong tháng 7.

Sản xuất gạo của Nga cũng tiếp tục duy trì tương đối mạnh. Sản lượng trong giai đoạn tháng 1–7/2026 đạt 302.300 tấn, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi riêng sản lượng tháng 7 tăng 45,1% lên 53.200 tấn.

Tuy nhiên, diện tích gieo trồng lúa năm 2026 giảm mạnh xuống 146.000 ha, so với 199.000 ha năm 2025.

Diện tích gieo trồng giảm có thể hạn chế tiềm năng sản xuất trong giai đoạn sau của vụ mùa, mặc dù kết quả sản xuất cho đến nay vẫn tích cực.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 382 USD/tấn, tăng khoảng 9 USD/tấn so với tuần trước, tăng 19 USD/tấn so với tháng trước và tăng 7 USD/tấn so với cùng kỳ.

Xung đột tại Tây Á gây gián đoạn vận tải dẫn đến chi phí vận chuyển, bảo hiểm hàng hải tăng mạnh. Một số lô hàng phải chuyển sang các tuyến đường dài hơn thông qua Oman và UAE. Thị trường ghi nhận cước vận tải đến một số điểm đến tại Trung Đông đã tăng 1.000–3.000%, làm chi phí xuất khẩu tăng

mạnh. Nếu tình trạng gián đoạn kéo dài, xuất khẩu gạo sang châu Âu và các thị trường khác có thể tiếp tục chịu ảnh hưởng.

Thị trường cho biết tình hình thời tiết cực đoan, El Nino và căng thẳng địa chính trị đang làm gián đoạn nguồn cung nhiên liệu, phân bón và gia tăng chi phí sản xuất nông nghiệp tại châu Á. Lượng mưa thấp hơn 15% so với bình thường, rủi ro thời tiết tại Đông Nam Á và chi phí đầu vào tăng cao có thể ảnh hưởng đến sản lượng, nguồn cung xuất khẩu và giá gạo toàn cầu niên vụ 2026/27.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 477 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 27 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 16 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động thương mại gạo tuần qua ảm đạm do nhu cầu xuất khẩu suy yếu. Philippines đang tạm dừng cấp giấy phép kiểm dịch vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPSIC) đối với gạo nhập khẩu từ một số quốc gia, trong đó có Thái Lan, dự kiến đến khoảng giữa tháng 11/2026. Động thái này làm gia tăng áp lực giảm giá đối với phân khúc gạo trắng. Một số thương nhân cho biết giao dịch mới trầm lắng do người mua chờ giá tiếp tục giảm.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 430 USD/tấn, tăng 17 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 27 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 70 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu sơ bộ từ Cơ quan Thống kê (PBS), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 8/2026 ước đạt 308 ngàn tấn, giảm khoảng 10% so với tháng 7/2026, nhưng tăng khoảng 22% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này cho thấy nhu cầu xuất khẩu tiếp tục duy trì tích cực so với năm trước, nhưng mức giảm so với tháng 7/2026 cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu đang chịu áp lực khi cạnh tranh gia tăng từ các nước xuất khẩu khác trong khu vực, nhu cầu tại một số thị trường suy yếu do những gián đoạn về địa chính trị và vận tải biển.

Lũy kế xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 3,123 triệu tấn, giảm khoảng 5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường cho biết hoạt động thương mại gạo của nước này trong thời gian tới dự báo phụ thuộc vào nguồn cung vụ mới, diễn biến thời tiết, khả năng cạnh tranh so với các nước trong khu vực và tình hình địa chính trị. Đồng thời, nhu cầu từ Trung Đông, châu Phi và châu Á sẽ là yếu tố quyết định khả năng duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu của nước này trong thời gian tới.

Campuchia

Tuần qua, một doanh nghiệp xay xát và xuất khẩu gạo của nước này đã ký thỏa thuận xuất khẩu 10.000 tấn gạo sang Philippines thông qua Công ty DILAI Trading Co., Pte Ltd. Thỏa thuận được kỳ vọng mở rộng thị trường xuất khẩu gạo sang Philippines và tạo nền tảng cho quan hệ thương mại lâu dài giữa hai nước.

Ngày 16/9, Bộ trưởng Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia tham dự lễ khởi hành tàu chở gạo rời cảng Sihanoukville, với lô hàng được vận chuyển trực tiếp sang Philippines bằng tàu chở hàng rời. Đây là lần đầu tiên nước này xuất khẩu gạo sang thị trường quốc tế theo phương thức vận chuyển này, qua đó bổ sung thêm một phương thức vận chuyển cho xuất khẩu gạo bên cạnh hình thức xuất khẩu chủ yếu bằng container.

Thời tiết khô hạn do El Nino đang ảnh hưởng đến sản xuất lúa, làm chậm tiến độ thu hoạch và giảm nguồn cung. Một số nhà máy xay xát ghi nhận lượng lúa thu mua giảm khoảng 20–25%. Nước này cho biết sản lượng lúa có thể đẩy giá lúa nguyên liệu và gạo xuất khẩu, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Miền Điện

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 465 USD/tấn, tăng khoảng 11 USD/tấn so với tuần trước, tăng 9 USD/tấn so với tháng trước và tăng 135 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường xuất khẩu gạo trong tuần qua ghi nhận xu hướng giảm giá do nguồn cung cải thiện từ vụ thu hoạch mới nhưng nhu cầu suy yếu. Trong nước, giá lúa tại một số khu vực ghi nhận xu hướng tăng do lượng tồn kho thấp, nhu cầu thu mua cao và nguồn cung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	15 – 09	16 - 09	17 - 09	18 – 09	21 – 09
Trung Quốc (CNY/USD)	6,71	6,71	6,71	6,71	6,70
Châu Âu (EUR/USD)	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.676,75	17.695,12	17.690,90	17.735,86	17.759,86
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,05	4,05	4,04	4,10	4,08
Philippines Peso (PHP/USD)	62,82	62,81	62,72	62,74	62,93
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.346,69	1.361,54	1.367,96	1.380,77	1.387,33
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	154,43	155,10	155,09	155,86	156,91
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,73	95,91	95,90	95,80	96,04

Miền Điện (MMK/USD)	2.099,46	2.099,62	2.099,66	2.099,69	2.099,62
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,24	277,37	277,36	277,25	277,28
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,20	33,30	33,24	33,26	33,31
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.033,48	25.969,66	26.054,50	25.999,25	26.013,75

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 21/09/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,24 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 978 ngàn ha với năng suất khoảng 61,92 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,056 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 512 ngàn ha/639 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 80%, đã bắt đầu thu hoạch được khoảng 45 ngàn ha, với năng suất ước 64,1 tạ/ha, sản lượng 280 ngàn tấn lúa.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/09 đến 15/09/2026 đạt **189.206 tấn**, trị giá **99,774 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 15/09/2026 đạt **6,118 triệu tấn**, trị giá **2,933 tỷ USD** so với cùng kỳ năm 2025 về số lượng giảm 8,13% và về trị giá giảm 12,8%.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 – 21/09/2026 có 6 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 80.650 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32.000	Châu phi
2	CL Xiangtan	HCM	24/08/2026	50.000	Châu phi
3	Sea Dragon 9999	HCM	26/08/2026	4.900	Malaysia
4	North Star	Mỹ Thới	28/08/2026	1.500	Malaysia
5	Vinh Quang Sun	HCM	28/08/2026	2.800	Malaysia
6	Hương Anh 59	HCM	31/08/2026	2.850	Malaysia
7	Hương Anh 69	HCM	02/09/2026	2.750	Malaysia

8	Lucky Star 6	HCM	02/09/2026	7.300	Philippines
9	Quang Minh 18	HCM	03/09/2026	4.100	Malaysia
10	Tây Sơn 2	HCM	03/09/2026	10.500	Philippines
11	Viễn Đông 09	HCM	11/09/2026	6.000	Philippines
12	Mike Thomas	HCM	20/09/2026	50.000	Châu Phi
Tổng				174.700	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	17/09	+/-	17/09	+/-	17/09	+/-	17/09	+/-	17/09	+/-	17/09	+/-	17/09	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-	5.950	-50	5.950	-50	6.050	-100	5.900	-300	6.150	-50	6.050	+200	6.150	6.029
Lúa thường	6.050	-	5.850	-100	5.825	-100	5.900	-150	5.825	-125	6.050	-	5.750	+200	6.050	5.893
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-	7.350	-100	7.335	-55	7.300	-50	8.750	-			7.550	+400	8.750	7.639
Lúa thường	7.350	-	7.200	-200	6.993	-108	7.200	-50	8.200	+50			6.950	+300	8.200	7.315
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.150	-	9.050	+200	9.100	+250	9.175	+525			9.350	+300	9.350	9.096
Lứt loại 2	8.650	-	8.900	-	8.750	+50	8.800	+150	8.825	-125	8.950	-	8.950	+300	8.950	8.832
Xát trắng loại 1			10.250	-			9.850	+75	10.525	-	10.525	-	10.050	+200	10.525	10.240
Xát trắng loại 2			10.150	-			9.700	+25	9.950	-	10.150	-	9.650	+100	10.150	9.920
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.550	-	8.600	+100	8.625	+100	8.625	+100	8.700	-	8.700	-	8.550	+100	8.700	8.621
Tấm 2/3			8.450	+200	8.625	+100			8.450	-			8.050	-	8.625	8.394
Tấm 3/4	8.350	-	8.400	+200	8.525	+25							8.050	-	8.525	8.331
Cám xát	7.350	-	7.450	-	7.400	+50	7.350	-150	7.450	-	7.450	-50	7.250	+200	7.450	7.386
Cám lau	7.350	-	7.350	-	7.400	+50	7.450	-50	7.450	-	7.450	-50	7.350	+200	7.450	7.400
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</u>																
5%	10.200	+300	10.600	+100	10.200	-	10.350	+100	10.450	-	10.600	+100	9.950	+200	10.600	10.336
10%			10.500	+100					10.700	-			9.750		10.700	10.317
15%	10.000	+300	10.400	+100	10.000	-	10.150	+100	10.500	-	10.500	-	9.650	+200	10.500	10.171
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	9.800	+300	9.800	+100	9.750	-50	9.950	+100	9.900	-	9.950	+50	9.350	+100	9.950	9.786
